TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09 – 11 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn
và chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lil

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Âu Cần Đông

Ông Lê Văn Qui

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Ngọc Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 09 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2023/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2023/QĐXXST–HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Dũng Th, sinh năm: 1961 (có mặt).

Địa chỉ: khối 6, phường Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tạm trú: khu vực 3, phường Th, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Cẩm G, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: khu vực 3, phường Th, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Thu Ng, sinh năm 2000.

Địa chỉ: khu vực B, phường B, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Thu Ng: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: khu vực B, phường B, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Dũng Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2002 ông Lê Dũng Th và bà Phan Thị Cẩm G tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng, quá trình chung sống ông bà không có đăng ký kết hôn theo quy định.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do cuộc sống thường bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Th và bà G đã ly thân gần 08 tháng nay.

Về con chung: Ông Th và bà G có 01 con chung, tên Phan Lê Thủy Ng (Giới tính: Nữ) sinh năm 2003, hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống ông bà có tài sản chung gồm: 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc tại khu vực 3, phường Th; Số tiền gửi tiết kiệm Ngân hàng Kiên Long 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*); 01 Chiếc xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota, biển số 95A- 05678, số máy 1NKG036399, số khung EE2VKK000533 do bà Phan Thị Cẩm G đứng tên.

Ngày 04/8/2023 ông Th và bà G đã thỏa thuận bán chiếc xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota, biển số 95A- 05678 cho bà Nguyễn Thị Thu Ng với giá 400.000.000 đồng, bà G đã nhận tiền cọc trước 100.000.000 đồng.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu.

Nay ông Lê Dũng Th yêu cầu ly hôn với bà Phan Thị Cẩm G, con chung đã trưởng thành, ông không yêu cầu giải quyết. Tài sản ông Th xác định căn nhà cấp 4; Số tiền gửi tiết kiệm 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*) là tài sản riêng của bà G nên ông xin rút lại không yêu cầu chia. Đối với chiếc xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota, biển số 95A- 05678 ông Th đồng ý tiếp tục bán cho chị Nguyễn Thị Thu Ng, ông đồng ý khấu trừ số tiền cọc 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) mà bà Giang đã nhận, ông yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu Ng trả cho ông Th số tiền 200.000.000 đồng. Nợ chung không có nên không yêu cầu.

Bị đơn bà Phan Thị Cẩm G thừa nhận lời trình bày của ông Lê Dũng Th về quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung là đúng. Đối với phần tài sản là căn nhà cấp 4; Tiền gửi tại Ngân hàng là tài sản riêng của bà G không phải là tài sản chung nên bà không đồng ý chia. Bà G với ông Th chỉ có phần tài sản chung là 01 chiếc xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota, biển số 95A- 05678, ngày 04/8/2023 ông Th và bà G đã thỏa thuận bán chiếc xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota, biển số 95A-05678 cho bà Nguyễn Thị Thu Ng với giá 400.000.000 đồng, bà G đã nhận tiền cọc trước 100.000.000 đồng. Nợ chung không có.

Nay ông Th yêu cầu ly hôn thì bà G cũng đồng ý, con chung đã trưởng

thành nên bà không yêu cầu giải quyết. Về tài sản bà G đồng ý sang tên chiếc xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota, biển số 95A- 05678, số máy 1NKG036399, số khung EE2VKK000533 cho chị Nguyễn Thị Thu Ng, yêu cầu khấu trừ số tiền cọc 100.000.000 đồng mà bà đã nhận của chị Ng, số tiền còn lại bà đồng ý để chị Ng trả cho ông Th. Phần căn nhà cấp 4, tiền gửi tại Ngân hàng là tài sản riêng của bà G nên bà không đồng ý chia theo yêu cầu của ông Th, nợ chung không có nên không yêu cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu Ng, có người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị G trình bày: Vào ngày 04/8/2023 chị Nguyễn Thị Thu Ng có thỏa thuận với bà Phan Thị Cẩm G, ông Lê Dũng Th để mua chiếc xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota, biển số 95A- 05678 với giá 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*). Trong ngày 04/8/2023 chị Nguyễn Thị Thu Ng có đặt số tiền cọc 100.000.000 (*Một trăm triệu đồng*) cho bà Phan Thị Cẩm G. Nay chị Ngân yêu cầu ông Th, bà G tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán xe với chị Ng, sang tên quyền sở hữu chiếc xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota, biển số 95A- 05678 cho chị Ng và chị Ng giao thêm số tiền mua xe cho ông Th, yêu cầu khấu trừ số tiền cọc 100.000.000 đồng mà bà Phan Thị Cẩm G đã nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục: Theo đơn khởi kiện 10/8/2023 nguyên đơn ông Lê Dũng Th yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Phan Thị Cẩm G, con chung đã trưởng thành, ông không yêu cầu giải quyết. Về tài sản ông Th yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi căn nhà cấp 4 tại khu vực 3, phường Th; Số tiền gửi tiết kiệm 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*) tại Ngân hàng Kiên Long và chiếc xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota, biển số 95A- 05678 do bà Phan Thị Cẩm G đứng tên chủ sở hữu. Ngày 18/10/2023 ông Th có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phân chia phần tài sản chung là căn nhà cấp 4 tại khu vực 3, phường Th; Số tiền gửi tiết kiệm 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*) tại Ngân hàng Kiên Long. Hội đồng xét xử xét thấy, việc nguyên đơn ông Th rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn bà Phan Thị Cẩm G là hoàn toàn tự nguyện, không trái với pháp luật, đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Dũng Th đối với bị đơn bà Phan Thị Cẩm G về yêu cầu phân chia phần tài sản chung là căn nhà cấp 4 tại khu vực 3, phường Th; Số tiền gửi tiết kiệm 600.000.000 đồng

(*Sáu trăm triệu đồng*) tại Ngân hàng Kiên Long.

[2] Về thẩm quyền: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung" theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Dũng Th và bà Phan Thị Cẩm G cùng thống nhất ông bà tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2002 cho đến nay. Quá trình chung sống ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, phát sinh mâu thuẫn không thể tiếp tục sống chung cuộc sống hôn nhân nên ông Lê Dũng Th yêu cầu được ly hôn với bà Phan Thị Cẩm G. Hội đồng xét xử xét thấy, ông Lê Dũng Th và bà Phan Thị Cẩm G không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng nay ông Lê Dũng Th yêu cầu được ly hôn với bà Phan Thị Cẩm G.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…"* và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014*"Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng …"*. Vì vậy, về quan hệ hôn nhân Hội đồng xét xử không công nhận ông Lê Dũng Th và bà Phan Thị Cẩm G là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Ông Lê Dũng Th và bà Phan Thị Cẩm G có 01 con chung, tên Phan Lê Thủy Ng (Giới tính: Nữ) sinh ngày 26/11/2003, hiện đã trưởng thành. Ông Th và bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3.3] Về tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Th và bà G cùng thống nhất căn nhà cấp 4 tọa lạc tại khu vực 3, phường Th; Số tiền gửi tiết kiệm Ngân hàng Kiên Long 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*) là tài sản riêng của bà Phan Thị Cẩm G. Ông Th và bà G không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Ông Th và bà G cùng thống nhất quá trình chung sống ông bà có chiếc xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota, biển số 95A- 05678 là tài sản chung, chiếc xe hiện do bà Phan Thị Cẩm G đứng tên chủ sở hữu. Theo biên bản thỏa thuận giá trị tài sản ngày 18/10/2023 thì chiếc xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota, biển số 95A- 05678 có giá 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*).

Ngày 04/8/2023 ông Th và bà Giang đã thỏa thuận bán chiếc xe ô tô 07

chỗ hiệu Toyota, biển số 95A- 05678 cho bà Nguyễn Thị Thu Ng với giá 400.000.000 đồng, bà G đã nhận tiền cọc trước 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Lê Dũng Th, bà Phan Thị Cẩm G và bà Nguyễn Thị G là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Thu Ng cùng thống nhất thỏa thuận ông Lê Dũng Th, bà Phan Thị Cẩm G tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota, biển số 95A- 05678 với chị Nguyễn Thị Thu Ng, giá mua bán là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*). Khấu trừ số tiền cọc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) bà G đã nhận thì chị Nguyễn Thị Thu Ng có nghĩa vụ giao thêm cho ông Th số tiền mua bán xe 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là phù hợp không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Công nhận cho chị Nguyễn Thị Thu Ng được quyền sở hữu chiếc xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota, biển số 95A- 05678 số máy 1NKG036399, số khung EE2VKK000533.

Chị Nguyễn Thị Thu Ng có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên quyền sở hữu chiếc xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota, biển số 95A- 05678 theo quy định pháp luật.

Buộc ông Lê Dũng Th và bà Phan Thị Cẩm G có nghĩa vụ giao các giấy tờ sở hữu chiếc xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota, biển số 95A- 05678 và liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên quyền sở hữu chiếc xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota, biển số 95A- 05678 cho chị Nguyễn Thị Thu Ng.

Buộc chị Nguyễn Thị Thu Ng có nghĩa vụ trả cho ông Lê Dũng Th thêm số tiền mua bán xe là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

[3.4] Về nợ: Không có nên không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lê Dũng Th có đơn xin miễn giảm án phí với lý do nguyên đơn là người cao tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên nguyên đơn ông Lê Dũng Th được miễn nộp.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu Ng phải chịu 10.000.000 đồng, chị Ng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng. Như vậy, chi Ng phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 33, Điều 35, Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 430, Điều 431, Điều 433 của Bọi luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Lê Dũng Th và bà Phan Thị Cẩm G là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông Lê Dũng Th và bà Phan Thị Cẩm G có 01 con chung, tên Phan Lê Thủy Ng (Giới tính: Nữ) sinh ngày 26/11/2003, hiện đã trưởng thành. Ông Th và bà G không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Dũng Th đối với bị đơn bà Phan Thị Cẩm G về việc yêu cầu phân chia phần tài sản chung là căn nhà cấp 4 tại khu vực 3, phường Th; Số tiền gửi tiết kiệm 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*) tại Ngân hàng Kiên Long.

Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Lê Dũng Th, bà Phan Thị Cẩm G và bà Nguyễn Thị G là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Thu Ng về việc tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota, biển số 95A- 05678 giữa ông Lê Dũng Th, bà Phan Thị Cẩm G với chị Nguyễn Thị Thu Ng.

Công nhận cho chị Nguyễn Thị Thu Ng được quyền sở hữu chiếc xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota, biển số 95A- 05678 số máy 1NKG036399, số khung EE2VKK000533. Chị Nguyễn Thị Thu Ng có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên quyền sở hữu chiếc xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota, biển số 95A- 05678 theo quy định pháp luật.

Buộc ông Lê Dũng Th và bà Phan Thị Cẩm G có nghĩa vụ giao các giấy tờ liên quan đến sở hữu chiếc xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota, biển số 95A- 05678 và liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên quyền sở hữu chiếc xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota, biển số 95A- 05678 cho chị Nguyễn Thị Thu Ng khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc chị Nguyễn Thị Thu Ng có nghĩa vụ trả cho ông Lê Dũng Th thêm số tiền mua bán chiếc xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota, biển số 95A- 05678 là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

4. Về nợ: Không có nên không xem xét.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lê Dũng Th là người cao tuổi nên được miễn nộp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu Ng phải chịu 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). Chị Ng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)* theo lai thu số 5/2023/Q1 ngày 03 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Như vậy, chi Ng phải nộp thêm số tiền 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- UBND phường Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Lil